

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải T ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải T ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa Tận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận trong Biên bản hòa giải T ngày 20 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V)**. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. E Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Hà Phương – Chức danh: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn E Hoàng Vũ - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc V (Theo giấy Ủy quyền số 66/2024/EIB/UQ-TGD ngày 17/01/2024). Đại diện theo ủy quyền lại: - Bà Nguyễn Thị Eng Tyết – Chức vụ: Phó phòng xử lý nợ;

Bà Vũ Nhật T – Chức vụ: ChủC phòng xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 1-2 Tòa nhà Kinh Đô, số x2 T, phường T, quận X, T phố Hà Nội. (Theo giấy Ủy quyền số 230/2024/EIB/UQ-TGD ngày 19/4/2024).

Bị đơn: **Công ty TNHH T** (Công ty than T) (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 0101774144 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư T phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12/07/2017; đăng ký lần đầu ngày 13/09/2005); Địa chỉ trụ sở: số 26x, đường T, thị trấn C, huyện K, Tp. Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hiện – Chức vụ: Giám đốc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm: 1956; Đăng ký HKTT: Thôn D, xã M, huyện E, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Khu phố D, phường M, thị xã E, tỉnh Bắc Ninh)

2. Bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm: 1961; Đăng ký HKTT: Thôn D, xã M, huyện E, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Khu phố D, phường M, thị xã E, tỉnh Bắc Ninh).

3. Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1982; Đăng ký HKTT: Thôn D, xã M, huyện E, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Khu phố D, phường M, thị xã E, tỉnh Bắc Ninh).

4. Chị **Phạm Thị T Hà**, sinh năm 1982; Đăng ký HKTT: Thôn D, xã M, huyện E, tỉnh Bắc Ninh. (Nay là Khu phố D, phường M, thị xã E, tỉnh Bắc Ninh).

5. Cháu **Nguyễn Đình S**, sinh năm 2007; Cháu **Nguyễn Đình Ninh**, sinh năm 2010 và cháu **Nguyễn Đình Q**, sinh năm 2017 (Các cháu đều là con đẻ của anh T, chị Hà); Đại diện theo pháp luật của cháu S, cháu Ninh, cháu Q là anh Nguyễn Đình T và chị Phạm Thị T Hà.

- Đại diện ủy quyền của của bà Nguyễn Thị E, anh Nguyễn Đình T và chị Phạm Thị T Hà là ông Nguyễn Đình T. *(Theo Giấy ủy quyền số chứng thực 93; quyển số 01/2024-SCT/CK,ĐC ngày 19/8/2024 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã E, tỉnh Bắc Ninh.)*

6. Bà **Nguyễn Tổ B** (Nguyễn Thị B), sinh năm 1954; Đăng ký HKTT: Tổ 6, khối G, thị trấn C, huyện K, T phố Hà Nội; Nay là: 6/15/292 T, TT C, huyện K, T phố Hà Nội.

7. Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1945; Đăng ký HKTT: Tổ 6, khối G, thị trấn C, huyện K, T phố Hà Nội; Nay là: 6/15/292 T, TT C, huyện K, T phố Hà Nội.

- Đại diện ủy quyền của ông Trần Văn M, bà Nguyễn Tổ B là anh Trần Việt H *(Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 6894/2024/GUQ ngày 17/8/2024 tại phòng công chứng An Khánh; địa chỉ: Số 192 Ngõ Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện K, TP. Hà Nội).*

8. Anh **Trần Việt H**, sinh năm 1978, Trú tại: Tổ 6, khối G, thị trấn C, huyện K, T phố Hà Nội; Nay là: 6/15/292 T, TT C, huyện K, T phố Hà Nội.

9. Chị **Đinh Thị Thùy L**, sinh năm 1982, Trú tại: Tổ 6, khối G, thị trấn C, huyện

K, T phố Hà Nội; Nay là: 6/15/292 T, TT C, huyện K, T phố Hà Nội.

10. Cháu **Trần Danh M**, sinh năm 2008 và cháu **Trần Thiện Đức**, sinh năm 2013 (Là con đẻ của anh H và chị L); Đại diện theo pháp luật của cháu M và cháu Đức là anh Trần Việt H và chị Đinh Thị Thùy L.

2. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ bao gồm: - Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201502951 ngày 30/12/2015; - Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV-200052501 ngày 25/6/2020 và phụ lục (Đính kèm Hợp đồng tín dụng số 1701); - Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV-201600016 ngày 13/01/2016; - Hợp đồng tín dụng số 1701-LDS-201600033 ngày 25/01/2016; - Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201600163 ngày 25/01/2016; - Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1701-LDS-201600081 ngày 13/01/2016; - Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV-201500880 ngày 30/12/2020 và Hợp đồng sửa, đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 19/4/2016; - Khế ước nhận nợ số 1701-LDS-200000948 ngày 17/06/2020; - Khế ước nhận nợ số 1701-LDS- 200000868 ngày 05/06/2020; - Khế ước nhận nợ số 1701-LDS-190002034 ngày 31/12/2019; - Khế ước nhận nợ số 1701-LDS- 200001040 ngày 26/06/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 19/2015/HĐTC; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số công chứng: 891/2016/HĐSD,BS-HĐTC; Quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/10/2016 đã được Công chứng tại trụ sở phòng Công chứng số 3, tỉnh Bắc Ninh; - Hợp đồng thế chấp vào sổ lưu công chứng: 604/TC; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/7/2008 đã được Công chứng tại trụ sở phòng Công chứng số 2, T phố Hà Nội và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp vào sổ lưu công chứng: 235/PLK; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/8/2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (Lần 2) vào sổ lưu công chứng: 267/PLK; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/7/2011; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (Lần 3) vào sổ lưu công chứng: 1130/PLK; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2012; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (Lần 4) vào sổ lưu công chứng: 1145/PLK; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/6/2013; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (Lần 5) số công chứng:

892/2019/SĐTC; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/6/2019 đã được Công chứng tại trụ sở phòng Công chứng số 2, T phố Hà Nội; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng: 640.16; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2016; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số công chứng: 300.16; Quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2016; Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng: 3203.16; Quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/04/2016 đã được Công chứng tại trụ sở phòng Công chứng số 1, T phố Hà Nội được giao kết giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH T là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi được quy định trong các Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ; Khế ước nhận nợ được nêu ở mục 2.1 nêu trên so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V là đúng theo thỏa Tận mà các bên đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tính đến hết ngày 16/08/2024, Công ty than T đã nộp tiền tất toán khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1701-LDS-201600033 ngày 25/01/2016; theo công văn chấp Tận miễn giảm lãi để tất toán khoản vay của V. Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện Công ty than T đối với nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1701-LDS-201600033 ngày 25/01/2016; Tài sản đảm bảo bằng 01 máy xúc lật bánh lốp; nhãn hiệu: MINGYU HJ920; màu sơn: Vàng; số khung: D510218076; số động cơ: WB978933; Biển số đăng ký: 29LA-2178.

2.4. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 20/8/2024, tổng số tiền Công ty than T còn phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền là 14.376.122.458 đồng; trong đó nợ gốc 9.241.090.200 đồng; nợ lãi trên dư nợ gốc trong hạn: 369.549.223 đồng; lãi trên dư nợ gốc quá hạn: 4.614.671.491 đồng; lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả 150.811.544 đồng.

2.5. Xác nhận bà Công ty than T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ tổng số tiền còn nợ theo lộ trình cụ thể như sau:

- Về lộ trình thanh toán:

+ Chậm nhất ngày 30/08/2024, Công ty than T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tương ứng theo Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV-201600016 ngày 13/01/2016 (Tạm tính đến hết ngày 20/08/2024 là 111.257.444 đồng, bao gồm nợ gốc 61.790.200

đồng và nợ lãi 49.467.244 đồng) để giải chấp xe tô tải DoThanh HD98 – Biển số đăng ký: 29C-641.71.

+ Chậm nhất ngày 30/09/2024, Công ty than T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tương ứng của Hợp đồng tín dụng số 1701-LAV-201500880 ngày 30/12/2020 và Hợp đồng sửa, đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 19/4/2016; (Tạm tính đến hết ngày 20/08/2024 là 866.650.870 đồng, bao gồm: nợ gốc 484.300.000 đồng và nợ lãi 382.350.870 đồng) để giải chấp 04 máy đóng than liên hoàn và 02 máy trộn liên hoàn.

+ Chậm nhất ngày 15/11/2024, Công ty than T phải tất toán khoản vay tại V bao gồm cả gốc và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ được nêu ở mục 2.1 nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH T đã ký kết (Số tiền tạm tính đến hết ngày 20/08/2024 là 13.398.214.143 đồng, bao gồm nợ gốc 8.695.000.000 đồng và nợ lãi 4.703.214.143 đồng) để giải chấp 02 tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tại thửa đất số 72; tờ bản đồ số 09; địa chỉ: Xã M, huyện E, tỉnh Bắc Ninh đứng tên ông Nguyễn Đình T; - Quyền sử dụng đất và tài sản, công trình xây dựng khác gắn liền với đất; tại thửa đất số 31; tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn Kim Quan, xã C, huyện K, T phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 359585, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số: 0164/QSDD/485 do UBND huyện K cấp ngày 25/6/2004, đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị B (Đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện K đính chính ngày 27/8/2019; Nội dung: Tên người sử dụng đất được đính chính là: Bà Nguyễn Tố B, sinh năm 1954; ông Trần Văn M, sinh năm 1945; Theo E sơ số: 000164.DT.001).

Số tiền Công ty TNHH T thanh toán cho Ngân hàng V được ưu tiên trừ vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, Công ty TNHH T còn phải tiếp tục chịu các khoản lãi, phạt, phí phát sinh theo mức lãi suất phạt, phí mà các bên thỏa Tận trong các Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ; Khế ước nhận nợ được nêu ở mục 2.1 nêu trên đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng nói trên, các bên có thỏa Tận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.6. Ông Nguyễn Đình T; anh Trần Văn H (là người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tố B (Nguyễn Thị B) thống nhất xác nhận đã ký kết Hợp đồng thế chấp có bảo lãnh cho Công ty than T vay tín dụng của Ngân hàng V. Trường hợp Công ty than T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo lộ trình trên thì ông Nguyễn Đình T và anh Trần Văn H đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty than T như cam kết tại các Hợp đồng thế chấp có bảo lãnh mà ông Nguyễn

Đình T; ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tố B (Nguyễn Thị B) đã ký kết với Ngân hàng V.

2.7. Trường hợp Công ty TNHH T thanh toán hết toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng V có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho các bên thế chấp; giấy tờ liên quan đến các tài sản (Phương tiện, máy móc) thế chấp cho Công ty TNHH T và làm thủ tục giải chấp By.

2.8. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình đã cam kết được nêu ở mục 2.5 nêu trên cho Ngân hàng V và ông Nguyễn Đình T; ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tố B (Nguyễn Thị B) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay như đã cam kết tại các Hợp đồng thế chấp có bảo lãnh mà ông Nguyễn Đình T; ông Trần Văn M và bà Nguyễn Tố B (Nguyễn Thị B) đã ký kết với Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, T giữ, phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp cho Ngân hàng V để T Eì nợ cho Ngân hàng V là:

+ 01 Chiếc xe tải có mui; 03 chỗ ngồi; nhãn hiệu: DOTHANH; số loại HD98; màu sơn: trắng; số khung: 17BPFD000036; số máy: D4DBFJ602320, biển kiểm soát: 29C-641.71; Chi tiết theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 189985 do phòng Cảnh sát giao thông - Công an T phố Hà Nội cấp lần đầu, ngày 07/01/2016, đứng tên chủ xe là Công ty TNHH chế biến và kinh doanh than T;

+ 04 Chiếc máy đóng than liên hoàn, chi tiết theo hợp đồng kinh tế số 1216/2015/YT-VN/HĐKT ký ngày 16/12/2015 về việc cung cấp máy móc thiết bị giữa công ty TNHH T và Công ty TNHH đầu tư Phát T thương mại Vân Nam; hoá đơn GTGT số 0000134 ngày 06/01/2016 của Công ty TNHH đầu tư Phát T thương mại Vân Nam; biên bản giao nhận, nghiệm T sản phẩm ngày 31/12/2015, chủ sở hữu là Công ty TNHH T;

+ 02 Chiếc máy trộn liên hoàn, chi tiết theo hợp đồng kinh tế số 1316/2015/YT-TP/HĐKT ký ngày 16/12/2015 giữa công ty TNHH T và Công ty TNHH đầu tư xây dựng và Phát T đô thị Tân Phú; hoá đơn GTGT số 0000150 ngày 07/01/2016 Công ty TNHH đầu tư xây dựng và Phát T đô thị Tân Phú; biên bản giao nhận, nghiệm T sản phẩm ngày 31/12/2015, chủ sở hữu là Công ty TNHH T;

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; tại thửa đất số 72; tờ bản đồ số 09; địa chỉ: Xã M, huyện E, tỉnh Bắc Ninh đứng tên ông Nguyễn Đình T. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác và tài sản khác gắn liền với đất số BC 282658, vào sổ cấp GCN số: CH 00088/QĐ 279 do UBND huyện E, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28/6/2010. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp;

+ Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản, công trình xây dựng khác gắn liền với đất; tại thửa đất số 31; tờ bản đồ số 03; địa chỉ: Thôn Kim Quan, xã C, huyện K, T phố

Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 359585, vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số: 0164/QSDD/485 do UBND huyện K cấp ngày 25/6/2004, đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị B (Đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện K đính chính ngày 27/8/2019; Nội dung: Tên người sử dụng đất được đính chính là: Bà Nguyễn Tố B, sinh năm 1954; ông Trần Văn M, sinh năm 1945; Theo E sơ số: 000164.DT.001). Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để T Ei nợ thì các tổ chức, cá nhân đang trực tiếp quản lý, sử dụng, kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải bàn giao, di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Toàn bộ số tiền T được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty than T cho Ngân hàng V. Trường hợp nếu số tiền T được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì Công ty than T có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng V.

Việc xử lý các tài sản thế chấp phải tiến hành theo đúng thỏa Tận về xử lý tài sản thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp (Hợp đồng thế chấp có bảo lãnh) được nêu ở mục 2.1 nêu trên và quy định của pháp luật.

2.9. Về án phí KDTM sơ thẩm: Công ty than T phải chịu 61.188.061 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 60.189.549 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T tiền số 0074219, ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, T phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật By sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm
- THA Dân sự H. Gia Lâm
- TANDTP Hà Nội
- Các đ-ơng sự.
- L- u hồ sơ

THẨM PHÁN

Đoàn T Nam

